

Mấy số liệu về:

“CƠ NGHIỆP” VUA GIA LONG

Hoàng Minh Thiện*

Vua Gia Long (1762-1820) [1] Triều nhà Nguyễn nước ta là một nhân vật lịch sử gây tranh cãi, có hành động của ông bị nghi ngờ: ví như đưa quân Xiêm vào nước ta, đưa con trai là Thái tử Cảnh đi cầu viện Pháp, mà sau này có sử gia gọi là “cồng rắn cắn gà nhà”,...; Song ông cũng là người chính thức thống nhất đất nước sau cuộc nội chiến mấy trăm năm Trịnh - Nguyễn, Nguyễn - Tây sơn, ngay tên nước “Việt Nam” cũng do ông mà có!... ở bài viết này chúng tôi không hướng về những vấn đề đó, mà chỉ thông qua vài tư liệu trong bộ sử: “Đại Nam thực lục” [2] nói về “cơ nghiệp” của ông theo góc nhìn thống kê thôi !.

Bộ sử “Đại Nam thực lục” chép rằng năm Kỷ Mão-1820 [(1)], cách nay gần 200 năm, khi vua Gia Long sắp qua đời cho gọi Thái Tử Đảm, là vua Minh Mạng sau này, đến nói: “Đây là cơ nghiệp gian nan của Trẫm, nay giao cho con, con nên cẩn thận giữ gìn...” [(2), trang 1000]; ngay sau đó là đoạn văn sau:

“Bộ Hộ dâng tổng sách đinh điền của các thành trấn: (Quảng Đức: số đinh hơn 34.000 người, công tư điền thổ hơn 74.000 mẫu; Quảng Bình: số đinh hơn 13.500 người, công tư điền thổ hơn 36.100 mẫu; Quảng Trị: số đinh hơn 17.200 người, công tư điền thổ hơn 56.500 mẫu; Quảng Nam: số đinh hơn 36.900 người, công tư điền thổ hơn 137.100 mẫu; Quảng Ngãi: số đinh hơn 15.400 người, công tư điền thổ hơn 60.000 mẫu; Bình Định: số đinh hơn 33.300

người, công tư điền thổ hơn 85.900 mẫu; Phú Yên: số đinh hơn 5.000 người, công tư điền thổ hơn 46.900 mẫu; Bình Hoà: số đinh hơn 5.000 người, công tư điền thổ hơn 12.800 mẫu; Bình Thuận: Số đinh hơn 9.200 người, ruộng hơn 2.600 sỏ và 1.090 khoảng; Phiên An: số đinh hơn 28.200 người, điền thổ hơn 4.800 sỏ; Biên Hoà: số đinh 10.600 người, điền thổ hơn 2.600 sỏ; Định Tường: số đinh hơn 19.800 người, điền thổ hơn 7.000 sỏ; Vĩnh Thanh: số đinh hơn 37.000 người, điền thổ hơn 9.900 sỏ; Hà Tiên: số đinh hơn 1.500 người, ruộng 60 sỏ; Nghệ An: số đinh hơn 115.400 người, công tư điền thổ hơn 413.500 mẫu; Thanh Hoá: số đinh hơn 40.300 người, công tư điền thổ hơn 323.200 mẫu; Thanh Bình: số đinh hơn 9.100 người, công tư điền thổ hơn 120.800 mẫu; Hoà Đức: số đinh hơn 5.100 người, công tư điền thổ hơn 5.300 mẫu; Hải Dương: số đinh hơn 23.900 người, công tư điền thổ hơn 535.500 mẫu; Kinh Bắc: số đinh hơn 43.900 người, công tư điền thổ hơn 595.500 mẫu; Sơn Nam Hạ: số đinh hơn 38.700 người, công tư điền thổ hơn 515.300 mẫu; Sơn Nam Thượng: số đinh hơn 38.700 người, công tư điền thổ hơn 515.300 mẫu; Sơn Tây: số đinh hơn hơn 35.400 người, công tư điền thổ hơn 475.800 mẫu; Hưng Hoá: số đinh hơn 6.300 người, công tư điền thổ hơn 11.300 mẫu; Tuyên Quang: số đinh hơn 3.800 người, công tư điền thổ hơn 31.400 mẫu; Yên Quảng: số đinh hơn 2.100 người, công tư điền thổ hơn 17.900 mẫu; Lạng Sơn: số đinh hơn 5.300 người, công tư điền thổ hơn 6.700 mẫu; Cao Bằng: số đinh hơn 8.000 người, công tư điền thổ

* Viện Khoa học Thống kê

hơn 36.600 mẫu; Thái Nguyên: số dinh hơn 6.700 người, công tư điền thổ hơn 57.900 mẫu)". [(2), Tr.1001-1002]. Số liệu này có thể đưa vào thành biểu sau:

nước mà nền kinh tế chủ yếu là nông nghiệp thì đây quả là hai nguồn lực quan trọng nhất quốc gia. Thật đơn giản so với ngày nay khi các chỉ tiêu thống kê phục vụ quản lý kinh tế - xã hội của đất nước đã

| Đơn vị hành chính | Đình (người) | Công tư điền thổ | Đơn vị hành chính | Đình (người) | Công tư điền thổ |
|-------------------|--------------|------------------------|-------------------------------|--------------|------------------|
| Quảng Đức | 34000 | 74000 mẫu | Thanh Hoá | 40300 | 323200 mẫu |
| Quảng Bình | 13500 | 36100 mẫu | Thanh Bình | 9100 | 120800 mẫu |
| Quảng Trị | 17200 | 56500 mẫu | Hoài Đức | 5100 | 5300 mẫu |
| Quảng Nam | 36900 | 137100 mẫu | Hải Dương | 23900 | 535500 mẫu |
| Quảng Ngãi | 15400 | 60000 mẫu | Kinh Bắc | 43900 | 595500 mẫu |
| Bình Định | 33300 | 85900 mẫu | Sơn Nam Hạ | 38700 | 515300 mẫu |
| Phú Yên | 5000 | 46900 mẫu | Sơn Nam Thượng | 38700 | 515300 mẫu |
| Bình Hoà | 5000 | 2800 mẫu | Sơn Tây | 35400 | 475800 mẫu |
| Bình Thuận | 9200 | 2600 sỏ và 1090 khoảnh | Hung Hoá | 6300 | 11300 mẫu |
| Phiên An | 28200 | 4800 sỏ | Tuyên Quang | 3800 | 31400 mẫu |
| Biên Hoà | 10600 | 2600 sỏ | Yên Quảng | 2100 | 17900 mẫu |
| Định Tường | 19800 | 7000 sỏ | Lạng Sơn | 5300 | 6700 mẫu |
| Vĩnh Thanh | 37000 | 9900 sỏ | Cao Bằng | 8000 | 36600 mẫu |
| Hà Tiên | 1500 | 60 sỏ | Thái Nguyên | 6700 | 57900 mẫu |
| Nghệ An | 115400 | 413500 mẫu | [xem(2), Tr.1001-1002] | | |

Như vậy, trong 29 thành trấn, tổng số "đình" (có giải thích ở đoạn sau) toàn quốc ở thời điểm này khoảng 647.300 người; về diện tích "công tư điền thổ" (đất canh tác của nhà nước (công) và dân (tư) - đất công được giao cho các hộ dân canh tác với một tỷ lệ phân chia hoa lợi nào đó; đất tư các hộ dân canh tác thì phải đóng thuế) chúng ta chưa cộng được vì có ba loại đơn vị tính là mẫu, sỏ, khoảnh được sử dụng (và chúng tôi chưa có điều kiện tra cứu để quy đổi).

Sự sắp đặt như vậy trong bộ sử cho thấy hai số liệu được thống kê nói lên "cơ nghiệp" của vua Gia Long là số liệu về "đình" và "điền" (con người và đất đai) các thành trấn (tỉnh, thành) của đất nước thời điểm đó. Ai đó có thể đặt câu hỏi "cơ nghiệp" một vị Vua chỉ có vậy thôi sao? Nhưng trong chế độ phong kiến chuyên chế của một đất

đa dạng hơn rất nhiều! Dẫu vậy thì hiện nay con người và đất đai vẫn được coi là những nguồn lực cơ bản nhất của quốc gia, mọi kế hoạch phát triển đất nước vẫn cơ bản dựa trên hai nguồn lực này mà thôi!. Nhìn vào biểu này, với bất kỳ ai dù mới vào nghề thống kê, cũng thấy ngay số liệu về đất đai là không thống nhất đơn vị tính: ở đây chủ yếu sử dụng "mẫu" làm đơn vị tính diện tích, lại dùng thêm hai đơn vị tính nữa là "sỏ" và "khoảnh" cho một số tỉnh mới khai phá ở phía Nam - điều này cũng chỉ ra sự thống nhất quản lý đất đai trên toàn quốc gia vào thời điểm đó (năm 1820) vẫn còn đang diễn ra và chưa hoàn thiện. Số liệu về "đình", "điền thổ" được làm tròn cho các tỉnh thành đến mức chúng ta phải cho rằng: chắc đấy là con số ước lượng mà thôi!?. Một điểm đáng nghi ngờ nữa trong tư liệu là số liệu của hai tỉnh Sơn Nam Thượng và Sơn Nam

Hạ lại trùng nhau cả về số đinh và điền thổ - phải chăng họ đã thống kê chung hai tỉnh này rồi chia đôi hay làm một nơi rồi ghi cho cả hai...!? (*Cách làm số liệu thống kê kiểu này cho đến nay vẫn còn tồn tại trong thực tiễn???*). Thêm nữa, các số liệu đều kèm theo từ "hơn" thì nó đã hàm nghĩa rằng chưa thống kê đầy đủ! - và cũng nên lưu ý thêm là chức năng làm số liệu thống kê quan trọng này được giao cho Bộ Hộ soạn thảo, tức là trong chế độ phong kiến thời Nguyễn chưa có một cơ quan chuyên quản về số liệu thống kê !?.

Đến đây, với người làm thống kê, chắc rằng nhiều câu hỏi sẽ được nêu ra, ví như:

- Mức độ chính xác của số liệu thống kê này đến đâu?
- Phương pháp thu thập thế nào?
- Số liệu thu thập nhằm mục đích gì?
- Tại sao thời đó lại chỉ thống kê số 'đinh' mà không phải toàn diện về dân số?

Để phần nào tìm hiểu và trả lời các vấn đề như thế chúng ta hãy cùng xem đoạn tư liệu sau trong "Đại Nam Thực Lục":

"Bắt đầu thi hành phép duyệt tuyển [duyet quân tuyển lính], theo lời Đào Duy Từ xin. Phép ấy lược theo quy lệ đời Hồng Đức triều Lê: 6 năm một lần tuyển lớn, 3 năm một lần tuyển nhỏ. Đến kỳ tuyển thì tháng giêng sai quan khiến các tổng xã làm sổ hộ tịch, chia làm chính hộ và khách hộ. Mỗi loại chia các hạng tráng, quân, dân, lão, tật, cố, cùng, dào; cứ đến tháng 6 thì duyệt tuyển... Trong một tháng tuyển xong, chiếu từng hạng định lệ thu thuế theo ngạch bậc khác nhau." [(2) tr.49].

Đào Duy Từ là người đã giúp mưu kế đưa các chúa Nguyễn từ vị trí lãnh chúa cát cứ ở miền nam trở thành các vị vua lập quốc đối địch với nhà Lê - Trịnh ở miền Bắc, hơn nữa "Phép ấy lược theo quy lệ đời Hồng Đức triều Lê" (*Các thể chế phong kiến hay nệ cổ - họ thường lấy các hình mẫu cổ như thời Nghiêu Thuấn từ thượng cổ, ở đây là thời "Hồng Đức" nhà Lê, làm mẫu mực*), vì thế có thể tin rằng các chính sách này, phương cách quản lý dân này (ở đây là thu thập số liệu về dân số) của

ông vẫn được các vua nhà Nguyễn sử dụng sau này. Như thế rõ ràng việc quản lý nhà nước của chế độ phong kiến thời Nguyễn xưa với "Dân" chỉ tập trung vào hai mục tiêu chính là: tuyển quân và thu thuế; đinh ở đây được chia làm 8 loại và có các mức thuế khác nhau, loại "quân" ở đây chính là loại dự bị cho tuyển vào quân đội; các đối tượng ngoài phạm vi này không được theo dõi chẳng!? Điều này cũng có nghĩa rằng: chính quyền thời phong kiến chỉ thu thập các số liệu thống kê đáp ứng nhu cầu quản lý kinh tế - quân sự "cần thiết" mà thôi. Biện pháp tiến hành rõ ràng là một biện pháp hành chính mang tính cưỡng chế mà ngày nay đã ít sử dụng trong làm số liệu thống kê. Theo các tư liệu về "làm sổ hộ tịch" trong lịch sử thì "đinh" thường được định nghĩa là những người dân: nam giới đến tuổi trưởng thành thường từ 18 tuổi trở lên, tuy bắt đầu ghi vào sổ hộ tịch sớm hơn để theo dõi, (*có thể có giãn theo nhu cầu của nhà cầm quyền*) họ thường phải đóng thuế, đi lính, phu dịch... Như vậy chúng ta có thể thông qua các tư liệu đã đưa ra về số đinh của từng tỉnh và dựa vào một cơ cấu dân số nào đó phù hợp với thời điểm đó mà ước tính dân số nước ta lúc bấy giờ - số liệu tính ra chắc chưa chính xác nhưng chắc có thể sử dụng ở mức độ nghiên cứu!

Trong "Đại Nam Thực Lục" lại có đoạn tư liệu sau (năm Gia Long thứ 6 {1807}):

"Hộ tịch Bắc thành làm xong. Có 23 phủ, 100 huyện, 848 tổng, 6.280 xã, thôn, phường, vạn, trại, sách. Số đinh thực nạp là 193.389 người. Số đinh trong sổ thường hành của triều Lê là 268.990 người, đến nay làm lại hộ tịch, dân nhiều người gian xảo, khai số không thực. Sổ dâng lên. Vua thấy số đinh kém đi không bằng lòng, nhưng nghĩ nước mới bình định, chính trị nên rộng rãi, nên tạm để đó" [(2),tr. 714].

Qua đoạn tư liệu trên cho thấy việc điều tra lại về số đinh ở các tỉnh Bắc thành (*có 23 phủ, 100 huyện ...*), sau 6 năm Vua Gia Long lên ngôi, đã thất bại: số đinh thực ghi vào sổ mới chỉ còn 193.389 "đinh", trong khi trước đó thời Lê Trung Hưng đã có đến 268.990 đinh trong "sổ thường hành" (*Thời đó áp dụng phép Bình lệ, khoán số*

đình cố định theo cách ông Phạm Công Trứ đưa ra đã là không chính xác-thường bị tụt thấp đi vì không tính đến các biến động dân số như di cư, sinh tử...)(3)]; có lẽ việc gắn điều tra thống kê với thu thuế, tuyển quân và thực hiện bằng biện pháp hành chính cưỡng bức đã là nguyên nhân dẫn đến sai lệch trên chăng!?. Trong một thời kỳ đầy biến động và chiến tranh liên miên ở thế kỷ 17, 18 của nước ta khi đó thì các phản ứng của người dân như vậy cũng là dễ hiểu!. Và vì thế sự chính xác của các số liệu được đưa ra trong bộ sử "Đại Nam Thực Lục" cũng chỉ ở chừng mực nào đấy mà thôi, dẫu rằng đây là tư liệu chính thống do chính Triều Nguyễn biên soạn!. Dưới chế độ chuyên chế phong kiến lừa dối Vua là trọng tội, những người làm số liệu trên cũng trong bối cảnh đó và có thể phải chịu những hình phạt khủng khiếp như tử hình, lưu đày..., tuy nhiên số liệu vẫn sai như vậy! rất ngạc nhiên? - Việc cưỡng bức trong thu thập số liệu nay đã ít sử dụng, các phương pháp thu thập số liệu đã được thay thế bằng các giải pháp khoa học, nhân văn hơn, và cuối cùng, trách nhiệm của những người làm số liệu ngày nay cũng không còn nguy hiểm như xưa nữa!.

Với việc xem xét hai đoạn tư liệu trên chúng ta phần nào có thể hiểu các nghi vấn đã đưa ra, các xét đoán sâu sắc hơn chắc phải dành cho các đề tài nghiên cứu chuyên sâu, vượt quá khuôn khổ một bài viết có tính đưa thông tin này.

Số liệu thống kê trong các thời gian lịch sử của nước ta hiện nay vẫn còn bỏ trống nhiều nhưng việc sử dụng các tư liệu cũng phải rất cẩn thận để tránh các sai lệch như đã nói ở trên, đặc biệt là phương pháp thu thập, phạm vi, đơn vị tính hay cả thời điểm thu thập... thường không được định nghĩa rõ ràng-Thế mà đây lại là các điểm tối thiểu cần có khi xem xét số liệu trong thống kê hiện nay. Để có một bức tranh về đất nước, nền kinh tế - xã hội, tình trạng quản lý nhà nước... trong lịch sử thông qua các số liệu thống kê chắc là còn nhiều khó khăn, song đó cũng là điều hấp dẫn cho những nhà thống kê muốn khám phá sự thật lịch sử. Các số liệu thống kê trong lịch sử thường ẩn dấu trong các tư

liệu khác nhau, thời gian cũng góp phần làm nhòa đi dấu vết của nó, nên việc sử dụng chúng thường rất khó khăn và độ chính xác không cao - Tuy nhiên, chúng ta không có sự lựa chọn nào khác ngoài các tư liệu ít ỏi đó khi muốn xây dựng hệ thống số liệu ngược chiều thời gian, đi vào quá khứ đã xa rồi! Chúng tôi chỉ xin giới thiệu đôi chút ở đây về Vua Gia Long Triều Nguyễn, hy vọng rằng sẽ có các độc giả quan tâm tiếp tục nghiên cứu và bằng các phương pháp khoa học tìm ra được số liệu thống kê nói lên được sự thật lịch sử từ các tư liệu mong manh còn lại này.

(1) Vua Gia Long mất ngày 19/12/Năm Kỷ Mão tức 3/2/1820 Dương lịch, vì thế hay có nhầm lẫn Năm Kỷ Mão (gần trùng với năm 1819 Dương lịch) với Năm Canh Thìn (gần trùng với năm 1820) khi quy đổi giữa Âm lịch và Dương lịch.

(2) Đại Nam Thực Lục; tập một; Quốc sử quán triều Nguyễn; Nhà Xuất bản Giáo dục; Năm 2002.

(3) Việt Nam Sử Lược; Trần Trọng Kim; Nhà Xuất bản Văn hoá Thông tin Hà Nội; Năm 1999; trang 335 có viết:

"Trước lệ cứ sáu năm làm sổ hộ tịch một lần, rồi cứ tùy số dân đình nhiều ít mà đánh thuế, gọi là "Quy" đồng niên mỗi tên đình cứ tùy hạng, hoặc đóng một quan, hay là một quan tám tiền, tức thuế thân. Đến năm Kỷ Dậu (1669) đời vua Huyền Tông, quan Tham tụng là ông Phạm Công Trứ xin đặt ra phép Bình lệ, nghĩa là làm sổ đình nhất định một lần, rồi làng nào phải đóng bao nhiêu suất đình, cứ theo như thế đóng mãi, chứ có để thêm ra cũng không kể, mà có chết đi cũng không trừ.

Lập phép ấy là để cho dân khỏi phải làm sổ, mà quan cũng khỏi phải tra xét, nhưng phải một điều bất tiện là về sau số đình hơn kém bao nhiêu, quan không biết được nữa. Đến năm Quý Tỵ (1713) đời vua Dụ Tông, sử chép rằng số dân nội tịch phải đóng thuế cho nhà vua cả thảy chỉ 206.315 suất mà thôi."/.